

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 06/02/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích.
2. Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPHHVN.

Địa chỉ: số 54A đường NCT, phường LT, quận ĐĐ, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Bửu Q – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCPHHVN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1976 - Chức vụ: Giám đốc tổ tụng và mua bán nợ.

Địa chỉ nơi làm việc: số 180-192 đường NCT, quận 1 thành phố HCM. Theo giấy ủy quyền số 5647/2019/GUQ-TGĐ12, ngày 14/11/2019 của Ngân hàng TMCPHHVN (Có mặt).

2. Bị đơn:

Ông Phan Phước H1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp MA1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG (Có mặt).

Bà Lê Thị Bé M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp BH1, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Phú T, sinh năm 1970;

Bà Phan Thị Bích L, sinh năm 1990;

Bà Phạm Thị M, sinh năm 1966;

Bà Phan Thị Th, sinh năm 1957;

Bà Phan Thị S, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: ấp MA1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 06 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn do ông Nguyễn Tấn H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20 tháng 05 năm 2011 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển MK– Phòng giao dịch MB(nay là Ngân hàng TMCPHHVN - gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số HH0410/HĐTD - MDB với ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho ông H1 và bà Bé M vay 170.000.000đ; mục đích: Nuôi cá tra hầm; thời hạn cho vay: 12 tháng; từ ngày 20 tháng 05 năm 2011 đến ngày 20 tháng 05 năm 2012; lãi suất cho vay trong hạn: 1.9%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 150%/năm, mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phương thức trả nợ vốn theo hết hạn hợp đồng, trả tiền lãi hàng tháng.

Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng, ông H1 và bà M thế chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00747kA, ngày 01 tháng 11 năm 2005, do Ủy ban nhân dân thành

phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 01 tháng 11 năm 2005 mang tên ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M, việc thế chấp tài sản có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 170.000.000 đồng cho ông H1 theo khế ước nhận nợ số HH0410.1/KUNN-MDB ngày 20 tháng 05 năm 2011, ông Phan Phước H1 nhận đã nhận số tiền 170.000.000 đồng. Do ông H1, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vốn, lãi nên đến ngày 20 tháng 05 năm 2012 Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng và giải quyết vụ án tại Tòa án, ngày 20 tháng 11 năm 2015 ông H1 và bà M có thanh toán số tiền vốn 50.000.000đ, ngày 02 tháng 07 năm 2018 trả tiền vốn thêm được 5.000.000đ thì ngưng và có trả tiền lãi chậm trả 15.000.000đ. Do đó, số tiền vốn còn nợ lại là 115.000.000đ, số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn chưa thanh toán và tiền lãi chậm trả đến nay chưa thanh toán tính đến ngày xét xử 520.752.069đ. Trong đó, số tiền vốn còn nợ lại 115.000.000đ; nợ lãi trong hạn 19.433.710đ, lãi quá hạn 379.230.500đ, tiền lãi chậm trả 7.087.859đ. Yêu cầu tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HH0410/HĐTD-MDB ngày 20 tháng 05 năm 2011 và duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HH0410/2011/BĐ ngày 20 tháng 05 năm 2011 cho đến khi ông H1 và bà M trả dứt nợ cho ngân hàng.

Trước đây, ông H1 và bà M cho rằng vào ngày 02 tháng 07 năm 2018 ông bà có trả số tiền vốn 20.000.000đ, không pH trả 5.000.000đ nhưng Ngân hàng đã thu số tiền nợ vốn và Ngân hàng tự ý chuyển số tiền vốn 15.000.000đ thành số tiền lãi chậm trả là không đúng sự thật. Theo quy định của Ngân hàng thì khách hàng pH trả số tiền nợ lãi chậm trả nên không đồng ý việc ông H1 và bà M chuyển trả số tiền nợ vốn 20.000.000đ, chỉ thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn 5.000.000đ.

Ngày 13 tháng 04 năm 2018 Ngân hàng có yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp tại ấp MA1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG. Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên đã xem xét, thẩm định phần diện tích đất ông H1, bà Bé M thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00747kA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 01 tháng 11 năm 2005 cho ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M. Kết quả tài sản thế chấp sau khi xem xét, thẩm định không có biến động. Tuy nhiên, thực tế qua xem xét, thẩm định tại chỗ trên phần diện tích đất thế chấp có các ông bà Phan Phú T, Phan Thị Bích L, Phạm Thị M, Phan Thị Th, Phan Thị S là các anh em trong họ

hàng của ông H1 và bà M đang cư trú, sinh sống. Việc các ông bà có tên nêu trên cùng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết triệt để vụ án nên cần thiết yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thi hành án về sau. Do vậy, ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông H1 và bà M, không đồng ý theo yêu cầu của ông H1, bà M trả dần theo khả năng.

Theo bản khai ngày 03 tháng 04 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Phan Phước H1, bà Lê Thị Bé M trình bày: Năm 2011 ông bà có thỏa thuận với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển MK – Phòng giao dịch MB (nay là Ngân hàng TMCPHHVN) ký hợp đồng tín dụng số HH0410/HĐTD-MDB ngày 20 tháng 05 năm 2011, vay số tiền 170.000.000đ, mục đích vay tiền dùng để làm vốn nuôi cá tra, ông bà đã nhận đủ số tiền đã vay. Trong thời gian chăn nuôi bị thua lỗ, cá chết nên gia đình gặp nhiều khó khăn, chưa trả tiền nợ vốn, lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 01 tháng 06 năm 2017, vợ chồng ông bà còn nợ số tiền vốn, lãi ngân hàng là 409.789.820đ. Trong đó, tiền vốn 120.000.000đ (đã trả tiền vốn 50.000.000đ), tiền lãi tổng cộng là 289.782.820đ). Đến thời điểm xét xử hôm nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền 520.752.069đ. Trong đó, số tiền vốn còn nợ lại 115.000.000đ; nợ lãi trong hạn 19.433.710đ, lãi quá hạn 379.230.500đ thì ông bà đồng ý. Đối với số tiền 20.000.000đ đã thanh toán cho Ngân hàng vào ngày 02 tháng 07 năm 2018, Ngân hàng đã chuyển số tiền 5.000.000đ/20.000.000đ vào số tiền nợ vốn 120.000.000đ, còn nợ lại 115.000.000đ và chuyển số tiền 15.000.000đ/20.000.000đ vào tiền lãi chậm trả. Đối với việc thanh toán này mặc dù ngân hàng thu và chuyển vào số tiền nợ lãi chậm trả chưa thanh toán nhưng ông bà thống nhất, không có ý kiến tranh chấp với ngân hàng. Đối với số tiền lãi chậm trả 7.087.859đ ông H1 và bà M không có ý kiến.

Đối với việc xem xét, thẩm định tại chỗ phần diện tích nhà, đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HH0410/2011/BĐ ngày 20 tháng 05 năm 2011 giữa vợ chồng ông bà với ngân hàng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00747kA, do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ký ngày 01 tháng 11 năm 2005 cho ông bà, hai bên đã thỏa thuận thống nhất ông H1 và bà M thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để vay số tiền 170.000.000đ, việc ký kết đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Long Xuyên, nay là Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Long Xuyên vào ngày 20 tháng 05 năm 2011. Theo yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thi hành án về sau, đối với yêu cầu này của Ngân hàng, ông H1 và bà M đồng ý tiếp tục duy trì để sau này Ngân hàng phát mãi tài sản thu

hồi tiền vốn và lãi theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu trả dần số tiền nợ vốn theo khả năng. Ông H1, bà M không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Hiện nay, trên phần đất có các căn nhà của các ông bà gồm: Phan Phú T, Phan Thị Bích L, Phạm Thị M, Phan Thị Th, Phan Thị S là anh chị ruột trong gia đình của ông H1 đang sử dụng. Nếu sau này có phát mãi để trả nợ thì đồng ý thực hiện theo quy định pháp luật, không có ý kiến.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Phan Phú T, Phan Thị Bích L, Phạm Thị M, Phan Thị Th, Phan Thị S vắng mặt, không ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của bị đơn cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M liên đới trách nhiệm trả số tiền nợ vốn, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, lãi chậm trả tổng cộng 520.752.069đ (tạm tính đến hết ngày 06 tháng 02 năm 2020), tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng, duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ông H1 và bà Bé M đã ký kết, có đăng ký giao dịch bảo đảm để thi hành án về sau, không đồng ý cho ông H1 và bà M trả dần theo khả năng.

Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông Hậu và bà M thống nhất, không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Long Xuyên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, có sự thay đổi Thư ký tòa án, việc thay đổi được các đương sự thống nhất, đúng quy định pháp luật. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự nên pH chịu H1 quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Ngày 20 tháng 05 năm 2011 ông H1 và bà Bé M có đề nghị vay vốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển MK – Phòng giao dịch MB (nay là Ngân hàng

TMCPHHVN) theo hợp đồng tín dụng số HH0410/HĐTD-MDB cho ông H1, bà M vay số tiền 170.000.000đ để ông H1, bà Bé M bổ sung cho việc nuôi cá tra hầm, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 1.9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn. Để bảo đảm hợp đồng tín dụng, ông H1 và bà M có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HH0410/2011/BĐ ngày 20 tháng 05 năm 2011 giữa vợ chồng ông bà với Ngân hàng và có đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Do ông H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng kiện yêu cầu ông H1, bà Bé M liên đới trách nhiệm trả nợ 520.752.069 đồng. Trong đó, nợ vốn 115.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 19.433.710đ, lãi quá hạn 379.230.500đ, lãi chậm trả 7.087.859đ và tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho việc thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án do ông H1 và bà M đồng ý với việc khởi kiện của Ngân hàng và không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của bị đơn nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ để buộc ông H1 và bà Bé M liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 115.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 19.433.710đ, lãi quá hạn 379.230.500đ, duy trì lãi suất và hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, đối với số tiền lãi chậm trả 7.087.859đ, mặc dù có thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng căn cứ Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định chỉ xem xét giải quyết đối với lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả nên không có căn cứ xem xét yêu cầu đối với lãi chậm trả của Ngân hàng đối với ông H1 và bà M.

Quá trình giải quyết vụ án, có xem xét, thẩm định tại chỗ theo biên bản lập ngày 13 tháng 04 năm 2018, việc xem xét phát sinh chi phí theo quy định tại Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H1 và bà M pH chịu trách nhiệm nộp chi phí theo quy định pháp luật, ngân hàng được nhận lại chi phí sau khi ông H1 và bà M nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 06 năm 2017. Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ngân hàng là nguyên đơn, ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M là bị đơn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông H1, bà M và quá trình giải quyết phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án đã thụ lý vụ án bổ sung các ông bà: Phan Phú T, Phan Thị Bích L, Phạm Thị M, Phan Thị Th, Phan Thị S là phù hợp quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Ngân hàng TMCPHHVN ủy quyền cho ông Đoàn Đức T1 – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Tài chính cộng đồng MB và ông Nguyễn Ngọc T2 – Chức vụ Chuyên viên Quản lý nợ - Phòng Quản lý và thu hồi nợ. Theo giấy ủy quyền số 1873/2017/GUQ-TGĐ.6 ngày 29 tháng 06 năm 2017.

Đến ngày 21 tháng 12 năm 2018 ngân hàng thay thế giấy ủy quyền số 1873/2017/GUQ-TGĐ.6 ngày 29 tháng 06 năm 2017 và ủy quyền cho ông Phạm Phong N - Chức vụ: Chuyên viên chính Phòng Tố tụng và Mua bán nợ; ông Nguyễn Quốc K - Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ thuộc Ngân hàng TMCPHHVN là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 5249/2018/UQ-TGĐ12 ngày 21 tháng 12 năm 2018.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, ngân hàng tiếp tục thay thế giấy ủy quyền số 5249/2018/UQ-TGĐ12 ngày 21 tháng 12 năm 2018 và ủy quyền lại cho ông Nguyễn Tấn H, theo giấy ủy quyền số 5647/2019/GUQ-TGDD12. Xét nội dung việc ủy quyền phù hợp quy định tại Điều 562, Điều 563 Bộ Luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

[4] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCPHHVN, tranh chấp về số tiền theo hợp đồng tín dụng số

HH0410/HĐTD-MDB, duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng và duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Xét, tranh chấp giữa các bên thuộc giao dịch dân sự có phát sinh lợi nhuận. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có địa chỉ ấp MA1, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG đã được thể hiện theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên và quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản.

[5] Về nội dung vụ án: Xét hợp đồng tín dụng số HH0410/HĐTD-MDB ngày 20 tháng 05 năm 2011, khế ước nhận nợ số HH0410.1/KUNN-MDB ngày 20 tháng 05 năm 2011: Ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M là người ký tên vay với tư cách là bên vay tiền của Ngân hàng TMCPHHVN - Chi nhánh thành phố Long Xuyên - Phòng giao dịch Tài chính cộng đồng Mỹ Bình. Ông H1 bà M đã ký nhận đủ số tiền 170.000.000 đồng vào ngày 20 tháng 05 năm 2011. Việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2005 và phù hợp Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng. Ông H1 và bà M đã vay số tiền 170.000.000 đồng, đến nay ông bà chưa trả tiền nợ vốn, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận là vi phạm Điều 4, Điều 8 Hợp đồng tín dụng. Ông H1 và bà M yêu cầu trả dần số tiền nợ vốn, lãi nhưng không được ngân hàng đồng ý. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông H1 và bà Bé M có nghĩa vụ trả số tiền nợ vốn còn lại 115.000.000đ, tiền lãi trong hạn 19.433.710đ, tiền lãi quá hạn 379.230.500đ là phù hợp quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 nên có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền lãi chậm trả 7.087.859đ, theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông H1, bà M có thỏa thuận thống nhất. Tuy nhiên, căn cứ Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định chỉ xem xét giải quyết số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn nên không có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với ông H1 và bà M về tiền lãi chậm trả.

[7] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: Ngày 20 tháng 05 năm 2011 Ngân hàng TMCPHHVN - Chi nhánh thành phố LX- Phòng Giao dịch Tài chính cộng đồng MB ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HH0410/2011/BĐ với ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M. Theo hợp đồng ông H1 và bà M thế chấp quyền sử dụng đất số H00474kA do Ủy ban

nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 01 tháng 11 năm 2005 mang tên ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị bé M đã có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng đăng ký đất đai) Thành phố Long Xuyên là phù hợp quy định tại Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 720 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HH0410/2011/BĐHD ngày 20 tháng 05 năm 2011 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng H Việt Nam - Chi nhánh Thành phố LX - Phòng giao dịch Tài chính cộng đồng MB với ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành, cần duy trì để đảm bảo thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng về sau nên được chấp nhận.

[08] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Phú T, Phan Thị Bích L, Phạm Thị M, Phan Thị Th, Phan Thị S vắng mặt, không có ý kiến trình bày nên không có căn cứ xem xét, phải chịu H1 quả của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[09] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn ông Phan Phước H1 phải nộp tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp về dân sự. Ngân hàng nộp tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Sau khi khấu trừ, số tiền còn lại sẽ trả cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

[10] Về số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Áp dụng Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M phải chịu trách nhiệm nộp số tiền 400.000đ để hoàn trả cho Ngân hàng khi ông H1 và bà M nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ngân hàng đã nhận lại số tiền 600.000đ theo phiếu chi ngày 06 tháng 02 năm 2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 124, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 720 và Điều 721 của Bộ luật dân sự 2005;

Điều 562, Điều 563 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NG-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPHHVN đối với ông Phan Phước H1, bà Lê Thị Bé M.

Buộc ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M liên đới trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCPHHVN - Do Ngân hàng TMCPHHVN - Chi nhánh thành phố LX- Phòng giao dịch Tài chính cộng đồng MB đại diện nhận số tiền: 513.664.210đ (năm trăm M ba triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, hai trăm M đồng). Trong đó, tiền vốn 115.000.000đ (một trăm, M lăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn 19.443.710đ (M chín triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, bảy trăm M đồng); tiền lãi quá hạn 379.230.500đ (ba trăm, bảy mươi chín triệu, hai trăm ba mươi ngàn, năm trăm đồng), (tạm tính đến ngày 06 tháng 02 năm 2020).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPHHVN đối với ông Phan Phước H1, bà Lê Thị Bé M đối với số tiền lãi chậm trả 7.087.859đ (bảy triệu, không trăm, tám mươi bảy ngàn, tám trăm năm mươi chín đồng), (tạm tính đến ngày 06 tháng 02 năm 2020).

Tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HH0410/HĐTD-MDB ngày 20 tháng 05 năm 2011 cho đến khi ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HH0410/2011/BĐ ngày 20 tháng 05 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCPHHVN - Chi nhánh thành phố Long Xuyên - Phòng giao dịch Tài chính cộng đồng Mỹ Bình với ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M. Kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00474kA ngày 10 tháng 11 năm 2005, do Ủy ban

nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp mang tên ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị bé M cho đến khi ông H1 và M trả hết nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2020, ông Phan Phước H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay pH tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí sơ thẩm:

Ngân hàng TMCPHHVN pH nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Trừ vào 10.160.000đ (M triệu, một trăm, sáu mươi ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003774 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ngân hàng TMCPHHVN - Chi nhánh thành phố LX- Phòng giao dịch Tài chính cộng đồng MB đại diện nhận lại số tiền 9.860.000đ (chín triệu, tám trăm, sáu mươi ngàn đồng)

Ông Phan Phước H1 và bà Lê Thị Bé M liên đới trách nhiệm nộp 24.546.568đ (hai mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn, năm trăm sáu mươi tám đồng) tiền án phí sơ thẩm. Ông H1 và bà M có đơn miễn giảm án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương nên được xem xét giảm một phần án phí. Số tiền án phí ông H1 và bà M phải nộp 12.273.284đ (M hai triệu, hai trăm bảy mươi ba ngàn, hai trăm tám mươi bốn đồng).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Phan Phước H1 và Lê Thị Bé M liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCPHHVN - Do Ngân hàng TMCPHHVN - Chi nhánh thành phố LX- Phòng giao dịch Tài chính cộng đồng MB đại diện nhận số tiền 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCPHHVN - Do Ngân hàng TMCPHHVN - Chi nhánh thành phố LX - Phòng giao dịch Tài chính cộng đồng MB đại diện nhận số tiền 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng), Ngân hàng đã nhận đủ theo phiếu chi ngày 06 tháng 02 năm 2020.

Ngân hàng TMCPHHVN, ông Phan Phước H1, bà Lê Thị Bé M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Phú T, bà Phan Thị Bích L, bà Phạm Thị M,

bà Phan Thị Th, bà Phan Thị S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của các ông bà.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

-Các đương sự;
-VKSND-TPLX;
Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương